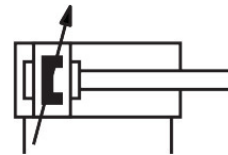


# Xy lanh tròn DSNU-1 1/4"- -PPV-A

Số bộ phận: 548538

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                              | Giá trị                                                       |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                            | 0.4 in...20 in                                                |
| Ø pít tông                                            | 1 1/4"                                                        |
| Ren thanh pít tông                                    | 3/8-24 UNF-2A                                                 |
| Dựa trên tiêu chuẩn                                   | ISO 6431                                                      |
| Đệm                                                   | Đệm khí nén ở cả hai bên điều chỉnh được                      |
| Vị trí lắp đặt                                        | bất kì                                                        |
| Đầu thanh piston                                      | Ren ngoài                                                     |
| Cấu trúc xây dựng                                     | Pít tông<br>Cần piston                                        |
| Phát hiện vị trí                                      | cho các công tắc gần                                          |
| Các biến thể                                          | thanh pít-tông một mặt                                        |
| Áp suất vận hành                                      | 0.1 MPA...1 MPA<br>1 bar...10 bar                             |
| Nguyên tắc vận hành                                   | tác động kép                                                  |
| Môi chất vận hành                                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                 | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                         | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                        | -4 °F...176 °F                                                |
| Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối                  | 0.295 ft-lbf                                                  |
| Chiều dài đệm                                         | 0.55 in                                                       |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi | 83 LBF                                                        |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống | 96.5 LBF                                                      |
| Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm                | 4.27 oz                                                       |
| Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm          | 0.317 oz                                                      |
| Kiểu gắn                                              | với phụ kiện                                                  |
| Cổng nối khí nén                                      | 1/8 NPT                                                       |
| Ghi chú vật liệu                                      | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vật liệu phủ                                          | Hợp kim nhôm rèn                                              |
| Vật liệu của phốt                                     | NBR<br>TPE-U (PU)                                             |
| Vật liệu thanh piston                                 | thép không gỉ hợp kim cao                                     |

| Đặc tính            | Giá trị               |
|---------------------|-----------------------|
| Vật liệu vỏ xy lanh | thép hợp kim không gỉ |